

# PHỎNG VẤN VỚI VAI TRÒ LÀ MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI: CÁCH TIẾP CẬN MỚI TRONG NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG

Nguyễn Trọng Du\*

*Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên, Quyết Thắng, Thái Nguyên, Việt Nam*

Nhận bài ngày 08 tháng 03 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 07 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 27 tháng 07 năm 2017

**Tóm tắt:** Bài viết giới thiệu cho độc giả một cách tiếp cận mới về phỏng vấn, đó là phỏng vấn với tư cách là một hoạt động xã hội (còn được gọi là phỏng vấn tích cực). Trong bài viết, cách tiếp cận này được so sánh với phương pháp phỏng vấn với tư cách là công cụ thu thập dữ liệu để thấy được sự khác nhau về bản chất của hai phương pháp. Sau đó, bài viết phân tích hai đoạn trích phỏng vấn cụ thể theo hai cách tiếp cận trên như là một ví dụ nhằm làm rõ sự khác biệt giữa hai phương pháp. Bài viết kết luận bằng gợi ý rằng cách tiếp cận phỏng vấn như là một hoạt động xã hội sẽ rất hữu ích đối với các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng, nhất là các học viên cao học và nghiên cứu sinh.

*Từ khoá:* phỏng vấn, phỏng vấn truyền thống, phỏng vấn tích cực, phân tích nội dung, phân tích tương thuật

## 1. Đặt vấn đề

Phỏng vấn từ lâu đã được sử dụng như là một phương pháp thu thập dữ liệu hữu ích trong nghiên cứu khoa học xã hội. Đặc biệt những năm gần đây, phỏng vấn được áp dụng nhiều trong các nghiên cứu ngôn ngữ ứng dụng như nghiên cứu về phương pháp dạy-học ngoại ngữ, về đánh giá chương trình, hay về mối quan hệ giữa văn hoá và ngôn ngữ. Tuy nhiên, có không ít nhà nghiên cứu chưa thực sự quan tâm đến việc tìm hiểu xem phương pháp thu thập dữ liệu này đã, đang và sẽ được tiến hành dựa trên cơ sở lý thuyết nào (Talmy, 2010; Talmy & Richards, 2011), và có những cách tiếp cận nào. Sở dĩ có thực trạng này là do phỏng vấn đã được sử dụng nhiều và trở nên quen thuộc đến mức mà họ cho rằng họ đã biết rõ về phỏng vấn, biết nó có thể thu thập được loại dữ liệu gì và phân tích dữ liệu đó ra làm sao (Briggs, 1986:2). Với suy nghĩ đó, nhiều nhà nghiên cứu có xu hướng coi phỏng vấn chỉ là công cụ thu thập những ý kiến hay quan điểm khách quan của những người được phỏng vấn về một vấn đề nghiên cứu cụ thể nào đó và phân tích dữ liệu thu được bằng

cách tóm tắt lại hoặc trích dẫn lời nói của người được phỏng vấn. Họ không xem xét đến tiến trình phỏng vấn diễn ra như thế nào để có được những ý kiến hay quan điểm đó; tức họ không nhìn nhận phỏng vấn là một hoạt động tương tác độc lập giữa những người trong cuộc phỏng vấn kể cả người phỏng vấn. Chính vì vậy, Keith Richards (2009:168) cho rằng mặc dù đã có rất nhiều tài liệu như sách hay bài báo trình bày về cách thức tiến hành phỏng vấn, và phương pháp phân tích dữ liệu, vẫn cần phải có thêm những bài viết chuyên sâu hơn, miêu tả và cụ thể hoá các cách tiếp cận phỏng vấn, phương pháp thực hiện cũng như cách phân tích dữ liệu phỏng vấn.

Bài viết này sẽ đề cập đến những vấn đề này và bắt đầu bằng việc so sánh phỏng vấn với tư cách là một công cụ thu thập dữ liệu nghiên cứu với một cách tiếp cận khác về phỏng vấn đã được thực hiện những năm gần đây nhưng chưa phổ biến ở các nghiên cứu ngôn ngữ ứng dụng ở Việt Nam, đó là phỏng vấn với tư cách là một hoạt động xã hội. Sau đó bài viết phân tích hai đoạn trích phỏng vấn cụ thể để so sánh hai cách tiếp cận, và gợi ý sử dụng thường xuyên hơn cách tiếp cận phỏng vấn như một hiện tượng xã hội trong các nghiên cứu về ngôn ngữ.

\* ĐT.: 84-912452262

Email: nguyentrongdu.sfl@tnu.edu.vn

**2. Sự khác biệt giữa phỏng vấn như là một công cụ thu thập dữ liệu và phỏng vấn như là một hoạt động xã hội**

Như đã nêu ở trên, phỏng vấn với tư cách là công cụ thu thập dữ liệu (vấn hay được gọi là phương pháp phỏng vấn truyền thống) đã và đang được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và ngôn ngữ học ứng dụng nói riêng. Theo định hướng này, nhà nghiên cứu thường ngầm định rằng phỏng vấn là ‘mảnh đất màu mỡ’ để khai thác thông tin về số liệu, kinh nghiệm, quan điểm, thái độ hay niềm tin của người được phỏng vấn. Theo cách tiếp cận này, người phỏng vấn phải cố gắng duy trì tính khách quan của mình và không làm ảnh hưởng đến dữ liệu phỏng vấn. Dữ liệu thu thập được sẽ được nhà nghiên cứu tóm tắt hay kể lại một cách trung thực, khách quan. Với cách tiếp cận này, nhà phân tích đặt dữ liệu thu được nằm ngoài ngữ cảnh của cuộc phỏng vấn và cho rằng tự nó là đủ để phân tích (Silverman, 2001, p.86; Wooffitt & Widdicombe, 2006). Nói cách khác, nhà phân tích coi dữ liệu như thể nó không được tạo ra từ một tương tác nào giữa người phỏng vấn với người được phỏng vấn, nó bị tách rời hoặc miễn nhiệm với những

yếu tố hội thoại nảy sinh trong quá trình phỏng vấn (Wooffitt & Widdicombe, 2006:40).

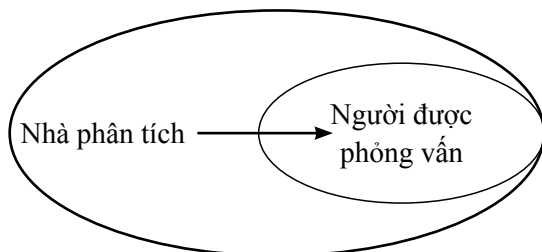
Trong khi đó, vài năm gần đây, một số nhà nghiên cứu đã sử dụng phỏng vấn với tư cách là một hoạt động xã hội; họ coi phỏng vấn tự nó là một đối tượng nghiên cứu và phân tích. Điều đó có nghĩa là nhà phân tích (thường chính là nhà nghiên cứu) sẽ coi cả người được phỏng vấn, người phỏng vấn và cả quá trình phỏng vấn là đối tượng phân tích. Holstein & Gubrium (2003) gọi loại phỏng vấn này là phỏng vấn ‘tích cực’ và so sánh nó với cách phỏng vấn truyền thống. Các tác giả cho rằng phỏng vấn truyền thống chỉ quan tâm đến nội dung phần trả lời của người được phỏng vấn trong khi phỏng vấn tích cực quan tâm đến cả nội dung và sự tương tác giữa người phỏng vấn với người được phỏng vấn trong quá trình cùng nhau tạo lập ra nội dung đó. Như vậy, người phỏng vấn cũng có vai trò và ảnh hưởng nhất định trong việc cùng với người được phỏng vấn xây dựng nên khối dữ liệu.

Talmy (2010, 2011) tóm tắt sự khác nhau giữa hai cách tiếp cận phỏng vấn trên trong bảng dưới đây:

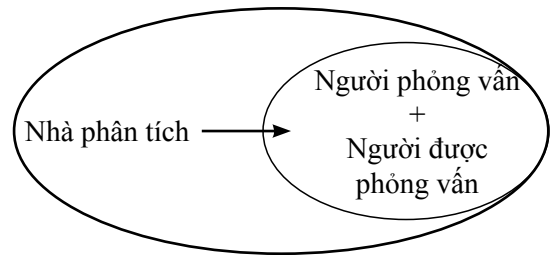
<b>Phỏng vấn</b>	<b>với vai trò là công cụ thu thập dữ liệu</b>	<b>với vai trò là hiện tượng xã hội</b>
Vai trò của phỏng vấn (Status of interview)	Là công cụ thu thập thông tin	Tự nó là đối tượng nghiên cứu và phân tích
Vai trò của dữ liệu (Status of interview data)	Dữ liệu là lời kể lại các số liệu thực, những quan điểm, thái độ, niềm tin v.v.. của những người được phỏng vấn	Dữ liệu là sự miêu tả các số liệu thực, những quan điểm, thái độ, niềm tin v.v.. được tạo lập bởi cả người được phỏng vấn và người phỏng vấn
Tiếng nói/Quan điểm (voice)	Chỉ người được phỏng vấn có tiếng nói	Cả người phỏng vấn và được phỏng vấn đều có tiếng nói, có thể thay nhau trong quá trình phỏng vấn
Tính chủ quan, thiên lệch (Bias)	Người phỏng vấn phải loại bỏ những thông tin thiên lệch hoặc mang tính chủ quan	Không có dữ liệu thiên lệch hoặc mang tính chủ quan vì nó được cả hai phía tạo lập
Phương pháp phân tích (Analytic approaches)	Sử dụng công cụ ‘phân tích nội dung’ hoặc ‘phân tích chủ đề’, dữ liệu có thể được trích dẫn nguyên gốc hoặc được tóm tắt lại. Dữ liệu tự nó nói lên tất cả.	Dữ liệu tự nó không nói lên điều gì, phân tích tập trung vào việc dữ liệu đó được thương lượng, tạo lập như thế nào tại cuộc phỏng vấn
Trọng tâm phân tích (Analytic focus)	Tập trung phân tích sản phẩm, tức phân tích dữ liệu thu được.	Tập trung phân tích quá trình, tức phân tích cả dữ liệu thu được và quá trình tạo lập dữ liệu đó

Với phỏng vấn truyền thống, dữ liệu thu thập được thường được tóm tắt và phân tích bằng phương pháp ‘phân tích nội dung’ (content analysis) hoặc ‘phân tích chủ đề’ (thematic analysis). Dữ liệu được tách ra khỏi ngữ cảnh của cuộc phỏng vấn, được tóm tắt lại hoặc trích nguyên văn, và được phân tích độc lập với ngữ cảnh đó. Trái lại, khi phỏng vấn được coi là một hoạt động xã hội, dữ liệu thu được không phải chỉ là nội dung trả lời của người được phỏng vấn, mà là nội dung được tạo lập bởi cả người được phỏng vấn và người phỏng vấn. Nói cách khác đối tượng phân tích của phỏng vấn tích cực không chỉ là người được phỏng vấn mà là sự tương tác giữa những người tham gia gồm cả người phỏng vấn. Tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phỏng vấn như vai trò địa vị của từng người tham gia (bao gồm cả người phỏng vấn), mối quan hệ giữa họ, hay ngữ cảnh tình huống của cuộc phỏng vấn đều được nhà phân tích sử dụng đến. Do đó, nhà phân tích không chỉ phân tích nội dung trả lời của người tham gia, mà cả cách thức họ thể hiện nội dung đó. Phương pháp phân tích cũng đa dạng: có thể dùng ‘phân tích hội thoại’ (conversation analysis), ‘phân tích tường thuật’ (narrative analysis), ‘phân tích diễn ngôn phê phán’ (critical discourse analysis), hay phân tích phân loại thành viên (membership categorization analysis).

Có thể thể hiện việc phân tích dữ liệu thu được theo hai định hướng này bằng 2 sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1. Phỏng vấn truyền thống



Sơ đồ 2. Phỏng vấn tích cực

### 3. Ví dụ cụ thể: Hành động từ chối của người Việt

Tác giả bài viết đưa ra hai ví dụ minh họa sau: Một trích từ cuộc phỏng vấn cá nhân với một giám đốc phân xưởng của một công ty cán thép tại Thái Nguyên; ví dụ còn lại trích từ cuộc phỏng vấn ‘nhóm tập trung’ (focus group interview) với 6 người Việt đang công tác trong ngành kiểm lâm và thú y ở các tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam (tên của họ đã được thay đổi trong phần phân tích dưới đây). Đây là hai trong số các cuộc phỏng vấn được thực hiện trong một nghiên cứu về hành động từ chối của người Việt. Mục tiêu của nghiên cứu là tìm hiểu những yếu tố văn hoá ảnh hưởng đến hành động từ chối của người Việt thông qua chiến lược và cách thức từ chối của họ. Trong các cuộc phỏng vấn (cả cá nhân và nhóm tập trung), những người được phỏng vấn đặt mình vào vị trí của nhân vật trong tình huống cho sẵn để đưa ra quyết định từ chối hay chấp nhận, và sau đó họ được khuyến khích kể về một tình huống có thật trong cuộc sống mà họ đã phải từ chối hoặc bị người khác từ chối. Hai cuộc phỏng vấn này sẽ được phân tích dưới đây áp dụng hai cách tiếp cận phỏng vấn nêu trên nhằm làm rõ sự khác biệt giữa hai cách đó.

#### 3.1. Phân tích theo phương pháp truyền thống

##### 3.1.1. Đoạn phỏng vấn 1: Giám đốc phân xưởng

Ở đoạn trích thứ nhất, người được phỏng vấn - Hoàng - là quản đốc một phân xưởng trong một tổng công ty kinh doanh về sắt thép; ông ta kể về một tình huống mà ông ta bị ông

Tổng giám đốc từ chối lời đề nghị bán một số phụ tùng sắt thép phế liệu. Ông có giải thích rằng việc công ty giao cho phân xưởng của ông thu mua sắt thép phế liệu, phân loại và bán lại để ăn chênh lệch đã được thống nhất trong toàn công ty. Nhưng khi ông đề nghị Tổng giám đốc ký duyệt bán một số phụ tùng sắt thép phế liệu đã được thu mua từ trước, thì Tổng giám đốc cứ khất lần không duyệt ngay.

Nếu phân tích đoạn trích này áp dụng công cụ ‘Phân tích nội dung’ (Content analysis) hoặc ‘Phân tích chủ đề’ (Thematic analysis) thì dữ liệu phỏng vấn sẽ được tóm tắt như sau:

**Hoàng:** *Chủ trương (cho xí nghiệp của chủ bán thanh lý sắt thép phế liệu) thì rất rõ rồi, nhưng (chủ) lên (xin ký duyệt) thì (ông ấy) toàn khất lần. Khất lần bằng những lời từ chối rất khéo như: “ừ được rồi cái này để tôi xem tôi gọi vật tư lên”, “để tôi gọi kế hoạch lên”, và “thế anh về lấy cho tôi xem cái mẫu của nó cái”. (Thực ra) Ông ấy không từ chối là không giúp nhưng cũng không bảo là sẽ duyệt ngay, nên chủ phải nghĩ xem mình phải làm một động tác gì nữa thì mới được và cuối cùng chủ phải làm động tác đó.*

Đoạn sau của cuộc phỏng vấn, Hoàng kể rằng ông phải bảo người mua hàng mang phong bì đến tận nhà ông Tổng giám đốc và đề nghị ông ấy duyệt cho anh ta mua lô hàng trên, và đến hôm sau thì ông Tổng giám đốc ký duyệt ngay.

Có thể thấy ông Tổng giám đốc cố tình gây khó khăn và trì hoãn việc phê duyệt bằng những lời nói nước đôi nhằm đánh tiếng cho cấp dưới của mình đưa phong bì. Do vậy động cơ của những lời từ chối gián tiếp đó là vì tiền.

### 3.1.2. Đoạn phỏng vấn 2: Nhóm nông nghiệp

Ở đoạn trích thứ hai, 6 người tham gia phỏng vấn cùng thảo luận về câu trả lời của B trong kịch bản sau:

A và B là bạn thân học cùng học đại học, nhưng từ khi ra trường cách đây 10 năm, vì công tác ở những tỉnh khác nhau, họ ít

có điều kiện liên lạc với nhau. Một ngày A gọi điện cho B; sau vài câu chào hỏi xã giao họ nói:

A. *Nghe này, mình đang xây nhà, cũng gần xong rồi, nhưng cậu biết đấy làm nhà mà, mình đang thiếu ít tiền. Cậu cho mình vay khoảng 20 triệu để mình hoàn thiện nốt được không?*

B. *Ừm. Được rồi, mình cũng có một ít tiền tiết kiệm, để mình về hỏi vợ xem đã có kế hoạch gì với khoản tiền đó chưa đã.*

Nếu anh/chị là A, theo anh/chị B có ý gì khi trả lời như vậy?

Trong đoạn trích này mặc dù có 5 thành viên trong nhóm cùng tham gia thảo luận, nhưng Bình là người phát ngôn chính. Trong khi anh ta trình bày quan điểm của mình, 4 thành viên khác thể hiện sự đồng tình bằng cách tiếp lời của anh ta. Nếu áp dụng ‘phân tích nội dung’ hay ‘phân tích chủ đề’ để phân tích thì phần trình bày của Bình có thể được tóm tắt như sau:

**Bình:** *Bạn trai với nhau hỏi vay thì người Việt Nam mình bao giờ cũng có sẵn tiền trong người, nên đã xác định có tiền cho vay thì không phải hỏi ai cả. Do vậy cho vay là cho vay luôn chứ bảo về hỏi vợ thì nó lại bảo cái thẳng sợ vợ. Mình bao giờ cũng biết nhà còn bao nhiêu tiền nên nếu bảo để về hỏi vợ thì chắc chắn là câu từ chối.*

Qua phần tóm tắt trên có thể thấy quan điểm của Bình là rất rõ ràng: B trong kịch bản trên đang từ chối A. Quan điểm này được các thành viên khác trong nhóm hoàn toàn đồng tình, từ đó có thể kết luận rằng các thành viên trong nhóm đều nhất trí rằng câu trả lời của B trong kịch bản trên là lời từ chối.

Tuy nhiên, qua sự phân tích hai ví dụ trên, có thể thấy việc tóm tắt thông tin thu được không cho người đọc thấy được sự tương tác, tranh luận giữa người được phỏng vấn với người phỏng vấn và với những người được phỏng vấn khác để cùng xây dựng nên khối dữ liệu. Hơn nữa phương pháp phân tích này

cũng không cho thấy cách thức thể hiện quan điểm của từng người trong cuộc phỏng vấn (ví dụ sự nhấn mạnh vào một hay vài từ nào đó, sự thay đổi giọng nói, thay đổi ý, trùng ý, hay sửa ý, sự ngập ngừng, không chắc chắn v.v..)

### 3.2. Phân tích theo phương pháp tích cực

Để thấy được sự tương tác và cùng xây dựng nên khối dữ liệu, hai đoạn trích kia được phiên ra một cách chi tiết và được phân tích áp dụng phương pháp ‘phân tích tường thuật’ (de Fina & Georgakopoulou, 2008). Phương pháp phân tích tường thuật (Narrative Analysis) được phát triển dựa trên nền tảng của Phân tích hội thoại (Conversation Analysis) do Harvey Sacks khởi xướng và tiếp tục được phát triển bởi Emanuel Schegloff và Gail Jefferson (Sacks, 1992a, 1992b; Sacks, Schegloff, & Jefferson, 1974).

#### 3.2.1. Phân tích hội thoại

Sự phát triển của *Phân tích hội thoại* (sau đây được gọi tắt theo tên tiếng Anh là CA) được dựa trên giả thuyết rằng tất cả các hoạt động giao tiếp trong xã hội đều có cấu trúc, đều được tổ chức theo chuỗi và đều theo một trật tự nhất định. Cấu trúc của các hoạt động giao tiếp được thể hiện theo quy tắc lượt lời mà Sacks và cộng sự (1974) đã đề ra. Theo quy tắc đó thì một người tham thoại sẽ tạo ra một “đơn vị lượt lời” (turn constructional unit), và những người tham thoại khác nghe và sẽ nhận biết thời điểm kết thúc của lượt lời đó để bắt đầu lượt lời của mình. Sacks và các cộng sự gọi thời điểm đó là thời điểm thích hợp để chuyển giao giữa các lượt lời (transition-relevance place). Tại thời điểm chuyển giao đó, người đang nói có thể chuyển lượt lời cho một người khác bằng cách chọn người đó, hoặc chính người đó tự chọn chính mình làm người nói kế tiếp. Theo CA, tất cả các hoạt động giao tiếp của con người đều theo quy tắc này.

CA tập trung phân tích xem mỗi lời nói được người tham thoại tạo ra như thế nào. Nói

cách khác, nó phân tích xem một phát ngôn cụ thể (hay một hành động cận ngôn hoặc phi ngôn ngữ) sẽ có chức năng gì trong một ngữ cảnh cụ thể dựa trên sự phản ứng của những người tham thoại (Schegloff, 2007). Chính vì vậy, phương pháp này không xem xét các phát ngôn đơn lẻ mà luôn xem nó trong mối liên hệ với các phát ngôn trước và sau nó. Do đó, CA không cho rằng một phát ngôn cụ thể nào đó đã được gán sẵn cho một chức năng nhất định, trái lại chức năng của phát ngôn đó chỉ có thể được nhận biết trong ngữ cảnh cụ thể (Maynard, 2013).

Các lượt lời của hội thoại đôi khi chứa đựng cả những câu chuyện kể của người tham thoại (hay còn gọi là tường thuật), đặc biệt là trong các cuộc phỏng vấn, và chúng cũng là đối tượng phân tích của CA. Sau này, Phân tích tường thuật đã phát triển thành một nhánh độc lập với CA.

#### 3.2.2. Phân tích tường thuật

*Phân tích tường thuật* (sau đây được gọi tắt theo tên tiếng Anh là NA) được Labov và các cộng sự như Fanshel và Waletzky phát triển trong những năm 60 và 70 (Labov & Fanshel, 1977; Labov & Waletzky, 1967). Trong thời gian này, sự tường thuật chỉ được coi là một ngôn bản do người được phỏng vấn kể lại những câu chuyện đã xảy ra trong quá khứ. Sau này, de Fina và Georgakopoulou (2008) đã phát triển NA lên một bước. Họ coi sự tường thuật không chỉ là sự kể lại của riêng người được phỏng vấn, mà cả người được phỏng vấn và người phỏng vấn cùng nhau xây dựng nên. Nói cách khác, người phỏng vấn cũng có vai trò nhất định trong lời kể của người được phỏng vấn, vì người phỏng vấn có thể đặt câu hỏi để làm rõ hơn hay để kiểm tra tính chân thực một chi tiết nào đó. Thậm chí nét mặt, nụ cười, hay những câu đùa đay của người phỏng vấn cũng có thể ảnh hưởng đến lời kể của người được phỏng vấn. Như vậy, cũng giống như bản thân cuộc phỏng

vấn, sự tường thuật cũng được de Fina và Georgakopoulou (2008) coi là một hoạt động xã hội. Sự phân tích hai đoạn trích sau đây sử dụng NA sẽ chứng minh điều đó.

3.2.2.1. Đoạn trích 1: Giám đốc phân xưởng

1. ...thế là chủ trương thì rất rõ rồi nhá ai cũng là nói rằng là hợp hành
2. các thứ đồng ý thế nhưng lên toàn khát lần
3. Int khát lần
4. Hoàng khát lần bằng những câu từ chối rất là khéo
5. Int thế ông ấy nói như thế nào
6. Hoàng thí dụ như “ừ được rồi cái này để tôi tôi tôi xem tôi gọi vật tư lên” này
7. hoặc “tôi gọi kế hoạch lên” này thế thì lần thì báo
8. “thế thế anh về anh lấy cho tôi xem cái mẫu của nó cái!”
9. thế lấy xem rồi lại cất đi mà cuối cùng thời gian nó cứ trôi đi
10. Int vâng
11. thế thì sau những cái đấy thì cuối cùng (.) không phải là từ chối
12. là không giúp cũng không báo là sẽ được ngay
13. Int ừ thế nhưng báo “ừ được rồi” nhưng mà =
14. Hoàng = “ừ được rồi” thế [nhưng mà
15. Int [không không hẹn một ngày nào đó =
16. Hoàng = ừ đấy nó không cụ thể (.) ấy thế thì những cái đấy là cuối cùng mình phải
17. tự suy nghĩ tức là mình còn phải làm những động tác gì đấy
18. thì việc của mình mới được thế về sau chủ phải làm
19. một cái động tác luôn (1.0)

Như đã miêu tả ở trên, trong đoạn trích, Hoàng đang kể lại một câu chuyện có thật, trong đó, ông ta bị ông Tổng giám đốc tổng công ty từ chối ‘khéo’ nhằm mục đích ngầm yêu cầu Hoàng trích lại phần trăm lợi nhuận thu được từ việc bán sắt phế liệu. Tuy nhiên, khác với sự phân tích bằng cách tóm tắt lại

nội dung câu chuyện như ở phần 3.1.1, khi nội dung cuộc phỏng vấn được ghi ra một cách chi tiết ở trên, tất cả các yếu tố của một cuộc hội thoại như sự ảnh hưởng của lượt trước tới lượt lời sau, sự nhấn mạnh của lời nói, hay sự ngập ngừng thiếu quyết đoán của tham thoại v.v.. đều được phân tích.

Thứ nhất, có thể thấy nội dung câu chuyện không đơn thuần chỉ do một mình Hoàng tạo nên, ngược lại, nó có sự đóng góp của cả người phỏng vấn. Chính sự nhắc lại từ ‘khát lần’ của người phỏng vấn (dòng 3) đã kích thích Hoàng nói tiếp về lời từ chối của ông Tổng giám đốc. Richards (2011) gọi những câu nói dạng này của người nghe là những yếu tố kích thích người nói nói tiếp (tiếng Anh gọi là ‘continuers’). Và khi Hoàng kể tiếp rằng ông Tổng giám đốc trả lời bằng những câu rất khéo, người phỏng vấn đã hướng ông ta nói ra một cách cụ thể những câu từ chối đó. Rõ ràng, câu hỏi của người phỏng vấn ở dòng 5 đã ‘lái’ Hoàng kể ra lời từ chối cụ thể của ông Tổng giám đốc.

Thứ hai, sự tương tác giữa người được phỏng vấn và người phỏng vấn tiếp tục được thể hiện ở phần sau của đoạn trích. Ở dòng 13, người phỏng vấn cố tình nhắc lại cụm từ *ừ được rồi* để nhắc Hoàng rằng đây là cụm từ chỉ sự chấp nhận chứ không phải từ chối; do đó, nếu trong trường hợp này, ông Tổng giám đốc nói *ừ được rồi* mà vẫn không phê duyệt thì có sự mâu thuẫn giữa lời nói và hành động của ông ta. Khi người phỏng vấn gợi ý rằng ông Tổng giám đốc nói *ừ được rồi* nhưng *không hẹn một ngày nào đó* (dòng 15) thì Hoàng tiếp lời luôn (được thể hiện bằng ký hiệu = ở cuối dòng 15 và đầu dòng 16) như thể đó chính là ý ông ấy định nói ra. Có thể thấy từ dòng 13 đến 16, người phỏng vấn và Hoàng hiểu ý của nhau nên có những câu của người này được người kia tiếp lời ngay lập tức. Chính vì vậy, có thể nói khối dữ liệu này không phải của riêng Hoàng mà được cùng tạo dựng bởi cả ông ta và người phỏng vấn.

Thứ ba, nội dung lời kể của Hoàng còn được thể hiện bởi những yếu tố cận ngôn. Chẳng hạn, sự nhấn mạnh của Hoàng vào từ *không* (dòng 11 – ký hiệu bằng gạch chân) cho thấy ông ta nhấn mạnh rằng những câu trả lời của ông Tổng giám đốc thực chất không phải là từ chối cũng không phải là chấp nhận, mà là sự gây khó dễ nhằm mục đích nhận hối lộ.

Tóm lại, khi coi cuộc phỏng vấn như là một hoạt động xã hội, nhà phân tích có thể khai thác các yếu tố diễn hình của hội thoại để có thể cho độc giả thấy được tính sinh động, trực tiếp của cuộc phỏng vấn. Qua đó, độc giả có thể tự đánh giá mức độ chắc chắn, khách quan, hay thiên lệch của nội dung phỏng vấn. Độc giả sẽ không thể đánh giá được điều này nếu nhà phân tích chỉ tóm tắt hoặc trích lại lời của người được phỏng vấn.

### 3.2.2.2. Đoạn trích 2: Nhóm nông nghiệp

Đoạn trích thứ hai sau đây cũng cho thấy sự thảo luận sôi nổi giữa các thành viên trong nhóm phỏng vấn.

1. Bình ...mà người ở mình mà đã nói ví dụ bạn trai với nhau
2. mà để về Việt Nam mình bao giờ nó cũng có cái sỹ điện nó có cái
3. sỹ điện trong người (.) ấy đã mà xác định có tiền đã cho vay rồi thì
4. [không phải hỏi ai cả cho vay luôn
5. Hạnh [không phải hỏi ai cả đúng thế thật
6. Bình đấy mà đã ừ xem đã hỏi vợ đã thì chắc chắn là =
7. Hạnh = kiểu gì thì kiểu chắc là từ chối khéo rồi
8. Bình lấy ví dụ em mà gọi điện cho bác ((quay sang người phỏng vấn))
9. mà bác bảo thế thì cũng nghĩ là không vay được của bác rồi (.)
10. đấy người ta bảo ừ về hỏi vợ
11. Hạnh chính xác
12. Bình anh em mình có tiền thì cóp luôn lúc ấy có khi nó lại bảo
13. ừ cái thằng này sợ vợ đấy ví dụ như thế hiểu chưa cái tính

14. sỹ điện mà heh heh heh đã câu “ừ được rồi để tớ về hỏi vợ” thì là (1.0)
15. Thăng [đã nhất trí ừ cho mượn là cho
16. Bình [cái xác xuất cái phần trăm cho vay ít lắm
17. Thanh đúng rồi đã cho [là cho vay luôn
18. Thăng [đã cho là cho vay luôn không bao [giờ
19. Bình [bởi vì nhà mình
20. có tiền là mình biết rồi mà có bao nhiêu tiền là mình biết
21. tầm tiền ở đâu như thế nào cho vay là cho vay luôn

Tương tự như đoạn trích thứ nhất, đoạn trích này cũng được phiên ra một cách chi tiết để việc phân tích được cụ thể. Tuy nhiên, khác với đoạn trích thứ nhất, đoạn trích này không phải là từ phỏng vấn cá nhân mà là từ cuộc phỏng vấn ‘nhóm tập trung’ với 6 người đang công tác trong lĩnh vực kiểm lâm và thú y. Do vậy, người phỏng vấn, sau khi nêu tình huống thảo luận, đã để cho các thành viên trong nhóm tự thảo luận là chính.

Có thể thấy trong đoạn trích trên, Bình là người ‘lĩnh xướng’ trong việc thể hiện quan điểm của nhóm, và các thành viên khác cùng tham gia cho ý kiến, tạo nên cuộc thảo luận khá sôi nổi. Cũng như ở đoạn trích thứ nhất, yếu tố cận ngôn đóng vai trò đáng kể trong việc Bình thể hiện quan điểm của mình. Cụ thể, anh nhấn mạnh vào các từ *luôn* (dòng 4), *cóp luôn* (dòng 12) và *sợ vợ* (dòng 13) (được thể hiện bằng dấu gạch chân ở các từ đó). Sự nhấn mạnh này chứng minh rằng Bình rất chắc chắn và quả quyết rằng lời nói của B trong kịch bản mà người phỏng vấn đưa ra là lời từ chối.

Quan điểm của Bình còn được các thành viên khác trong nhóm hoàn toàn ủng hộ. Bằng chứng là có nhiều thời điểm ý kiến của Bình được các thành viên khác hưởng ứng nên ở những thời điểm đó có hai người cùng nói một lúc (được thể hiện bằng ký hiệu []). Chẳng hạn như ở dòng 4 và 5 Bình và Hạnh cùng phát

ngôn một lúc, và câu nói của Hạnh trùng với câu nói của Bình. Tương tự như vậy, ở dòng 14, khi Bình đang tạm dừng một giây (được thể hiện bằng ký hiệu 1.0 trong ngoặc đơn) để suy nghĩ thì Thăng tiếp lời bằng quan điểm tương tự như Bình, dẫn đến việc cả hai thành viên này cùng phát ngôn một lúc ở dòng 15 và 16.

Sự thảo luận sôi nổi của các thành viên trong nhóm còn được thể hiện bằng việc tiếp lời một cách rất tự nhiên. Ở dòng 7, Hạnh đã nói lên ý của Bình đang định nói, và Bình chấp nhận ý đó và coi đó là ý của mình (rằng lời nói của B trong kịch bản đó là lời từ chối) để rồi anh ta tiếp tục bằng cách nêu ra ví dụ minh họa ở dòng 8, 9. Điều sinh động ở ví dụ Bình đưa ra là anh ta lôi người phỏng vấn vào cuộc: Anh ta quay sang người phỏng vấn và nói rằng nếu người phỏng vấn là B trong kịch bản thì người phỏng vấn cũng đang từ chối. Từ đó thấy rằng người phỏng vấn, mặc dù không phát ngôn, cũng có vai trò nhất định trong việc xây dựng nên dữ liệu phỏng vấn.

Tóm lại, qua hai cách phân tích sơ lược trên, có thể thấy sự khác biệt khá lớn giữa hai cách tiếp cận phỏng vấn. Với cách phân tích truyền thống, nội dung phân tích bị tách biệt khỏi ngữ cảnh của cuộc phỏng vấn, do đó không thể biết nội dung đó được thể hiện như thế nào, bị ảnh hưởng bởi những yếu tố gì, hay được cùng nhau tạo dựng như thế nào bởi những người tham gia. Do vậy, nếu dữ liệu chỉ được tóm tắt lại hoặc trích dẫn lại như thể cuộc phỏng vấn không tồn tại thì có rất nhiều yếu tố liên quan đến việc giải thích, phân tích dữ liệu sẽ bị mất.

Trái lại, phỏng vấn tích cực cho thấy nội dung phỏng vấn được trao đổi, thương lượng như thế nào, bị tác động bởi những yếu tố gì và như vậy không có khái niệm nội dung sai lệch (bias). Theo Talmy (2011:31), phỏng vấn được thực hiện trong mối quan hệ phức tạp về địa vị và nó ảnh hưởng đến việc ai chọn nói cái gì, khi nào phù hợp, ai được chọn trả lời và ai không được chọn, ai quyết định kết thúc một nội dung

v.v.. Theo Wooffit và Widdicombe (2006: 40), phân tích phỏng vấn như là một hoạt động xã hội cũng giống như phân tích hội thoại tức là mỗi lượt lời trong cuộc phỏng vấn sẽ không thể tách rời hoặc không thể không bị ảnh hưởng bởi lượt lời trước. Nói một cách khác, các câu trả lời của người được phỏng vấn bao giờ cũng được định hình bởi các câu hỏi hay các câu trả lời đã được đưa ra trước đó.

#### 4. Kết luận

Bài viết này nhằm mục đích giới thiệu thêm một cách tiếp cận mới với phương pháp phỏng vấn. Tuy nhiên, nó không có ý khẳng định rằng phương pháp truyền thống đã lỗi thời và không còn được sử dụng nữa. Trái lại, mục tiêu của bài viết chỉ là cung cấp thêm một cách phân tích dữ liệu phỏng vấn rất hay nhưng chưa được sử dụng nhiều trong các nghiên cứu khoa học xã hội ở Việt Nam. Qua phân tích hai đoạn trích phỏng vấn trên, có thể thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến nội dung phỏng vấn đã không được đề cập đến trong phần phân tích truyền thống. Thông qua bài viết, tác giả hy vọng các nhà nghiên cứu có thêm một cách tiếp cận mới về phỏng vấn và có thể áp dụng cho các nghiên cứu của mình.

#### Tài liệu tham khảo

- Briggs, C. (1986). *Learning how to ask: A sociolinguistic appraisal of the role of the interview in social science research*. Cambridge: Cambridge University Press.
- de Fina, A., & Georgakopoulou, A. (2008). Introduction: Narrative analysis in the shift from texts to practices. *Text & Talk*, 28(3), 275-281.
- Holstein, J. A., & Gubrium, J. F. (2003). Active interviewing. In J. F. Gubrium & J. A. Holstein (Eds.), *Postmodern Interviewing*. (pp. 67-80). California: Sage.
- Jefferson, G. (2004). Glossary of transcript symbols with an introduction. In G. H. Lerner (Ed.), *Conversation analysis: Studies from the first generation* (pp. 13-31). Amsterdam: John Benjamins.
- Labov, W., & Fanshel, D. (1977). *Therapeutic discourse: Psychotherapy as conversation*. New York: Academic Press.
- Labov, W., & Waletzky, J. (1967). Narrative analysis: Oral versions of personal experience. *Journal of narrative and life history*, 7(1-4), 3-38.



- Maynard, D. W. (2013). Everyone and no one to turn to: Intellectual roots and contexts for conversation analysis. In J. Sidnell & T. Stivers (Eds.), *The handbook of conversation analysis* (pp. 11-31). West Sussex: Wiley-Blackwell.
- Richards, K. (2009). Trends in qualitative research in language teaching since 2000. *Language Teaching*, 42, 147-180.
- Richards, K. (2011). Using Micro-Analysis in Interviewer Training: 'Continuers' and Interviewer Positioning. *Applied Linguistics*, 32(1), 95-112.
- Sacks, H. (1992a). *Lectures on conversation* (Vol. 2). Oxford: Basil Blackwell.
- Sacks, H. (1992b). *Lectures on conversation* (Vol. 1). Oxford: Basil Blackwell.
- Sacks, H., Schegloff, E. A., & Jefferson, G. (1974). A simplest systematics for the organization of turn-taking for conversation. *Language*, 50(4), 696-735.
- Schegloff, E. A. (2007). *Sequence Organisation in Interaction: A primer in Conversation Analysis* (Vol. 1). Cambridge: CUP.
- Silverman, D. (2001). *Interpreting qualitative data: Methods for analysing talk, text and interaction* (2nd ed.). London: Sage.
- Talmy, S. (2010). Qualitative interviews in applied linguistics: From research instrument to social practice. *Annual Review of Applied Linguistics*, 30, 128-148.
- Talmy, S., & Richards, K. (2011). Theorizing qualitative research interviews in applied linguistics. *Applied Linguistics*, 32(1), 1-5.
- Wooffitt, R., & Widdicombe, S. (2006). Interaction in interviews. In P. Drew, G. Raymond, & D. Weinberg (Eds.), *Talk and interaction in social research methods* (pp. 28-49). London: Sage.

## INTERVIEWS AS SOCIAL PRACTICES: A NEW APPROACH TO INTERVIEWING IN APPLIED LINGUISTICS

Nguyen Trong Du

*School of Foreign Languages, Thai Nguyen University, Quyet Thang, Thai Nguyen, Vietnam*

**Abstract:** The article introduces a new approach to interviewing: interviews as social practices, which are also referred to as 'active interviews'. First, this approach is compared to the approach that sees interviews as a research instrument so that the fundamental differences between the two approaches can be revealed. Then, the article analyzes two extracts from two corpora of interview data applying these two methods in order to exemplify the differences between the two approaches. The article concludes by suggesting that this new approach could be highly advantageous for researchers in applied linguistics, especially postgraduate students.

**Keywords:** interviewing, conventional interviews, active interviews, content analysis, narrative analysis

### PHỤ LỤC

#### Quy ước phiên lời nói ra chữ viết (theo Jefferson, 2004)

- [ Ngoặc vuông trái chỉ ra thời điểm lời nói của một người được phát ngôn cùng lúc với một người khác.
- = Dấu bằng thể hiện sự tiếp lời ngay lập tức của người nói sau.
- (0.5) Số trong ngoặc chỉ ra độ dài về thời gian tính bằng giây.
- (.) Dấu chấm trong ngoặc thể hiện có sự ngừng nghỉ nhưng nhanh quá nên không đo được.
- Word Gạch chân thể hiện sự nhấn mạnh bằng cách tăng âm lượng hoặc cao độ của giọng nói.
- ((word)) Từ trong hai ngoặc tròn thể hiện lời giải thích của người phiên lời.